TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2023/HN-ST
Ngày: 13-01-2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Bà Phạm Thị Thu Trang

2. Ông Phạm Quốc Toàn

- **Thư ký phiên tòa**: bà Huỳnh N1 Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa**: bà Nguyễn Thị Thu Thương – Kiểm sát viên.

Ngày 13/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2022/TLST –HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 219/2022/QĐST-HNGĐ ngày 28/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thị Thùy T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp 8, xã S, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; địa chỉ: số 173, ấp P, xã T, huyện G, tỉnh B (vắng có đơn).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/11/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phan Thị Thùy T trình bày:

Chị và anh T tự nguyện kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (ghi tắt là UBND) xã T Điền (G, B) vào ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn, thời gian đầu, hai bên sống chung với cha mẹ chồng. Sau đó, do nảy sinh mâu thuẫn với anh T và chị chồng nên chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Từ đó, hai bên chỉ thỉnh thoảng qua lại với nhau.

Trong cuộc hôn nhân với anh T, ngay từ buổi đầu, chị đã cảm nhận hai bên không hòa hợp. Do anh T quá kiểm soát nên chị thấy mất tự do và bị ảnh hưởng rất

Nều đến công việc. Không những thế, anh T còn bạo hành đánh chị và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Ngoài mâu thuẫn giữa vợ chồng, chị còn mâu thuẫn với chị chồng nên không cảm nhận được hạnh phúc khi sống chung với anh T. Chị cũng đã Nều lần cho anh T cơ hội sửa đổi N1ng không thấy anh T có thiện chí. Hiện nay, chị đã không còn niềm tin, hi vọng và tình cảm với anh T. Hai bên chính thức sống ly thân từ ngày 01/11/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả bên đều không có thiện chí hàn gắn, gia đình hai bên cũng không có ý kiến.

Do mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T. Con chung là Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015 hiện ở với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Theo bản tự khai ngày 05/12/2022 và trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh và chị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Điền vào ngày 20/12/2012. Sau khi kết hôn, hai bên sống chung với gia đình anh. Khoảng 5 tháng sau, giữa chị T và chị gái của anh phát sinh mâu thuẫn, chị T hờn trách anh không chia sẻ nên về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Thời điểm đó, mặc dù anh thương vợ N1ng tuổi còn trẻ, không chín chắn, không có điều kiện ra riêng và cũng không muốn vợ khó xử khi trở về sống chung với gia đình nên anh vẫn để cho chị T ở bên nhà cha mẹ ruột. Hiện nay, anh đã trưởng thành hơn, chín chắn hơn và cũng đã có dự tính cất nhà ở riêng N1ng lại xảy ra sự việc vợ chồng bất hòa, chị T yêu cầu ly hôn. Nguyên nhân bất hòa là do thời gian gần đây anh nhận thấy thái độ của chị T khác lạ, thường xuyên đi chơi, nói đi chỗ này N1ng thực tế đi chỗ khác. Trong lúc bất hòa, gây gỗ, do nóng tính nên anh có đánh chị T vài bạt tay. Hai bên chỉ mới chính thức sống ly thân từ ngày 01/11/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, anh có thiện chí hàn gắn N1ng chị T không đồng ý.

Hiện nay, do anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Con chung là Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015 hiện ở với chị T. Nếu chị T vẫn không thay đổi yêu cầu thì anh không tranh chấp nuôi con N1ng anh muốn được thăm nom con theo quy định pháp luật. Tài sản chung, nợ chung không có.

** Tại phiên tòa:*

Chị Phan Thị Thùy T vắng N1ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Anh Nguyễn Văn T vắng. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 09/01/2023, anh T có yêu cầu được nuôi một trong hai con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về thủ tục:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con, xác định vụ án thuộc thẩm

quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G và tiến hành thụ lý, xác định tư cách pháp lý những người tham gia tố tụng là đúng, đầy đủ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, các điều 35, 39, 68, 195 Bộ luật Tố tụng dân sự (ghi tắt là BLTTDS) và các văn bản quy phạm pháp luật (ghi tắt là VBQPPL) có liên quan. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán ban hành Thông báo thụ lý, gửi thông báo; tiến hành thông báo, tống đạt, lập biên bản công khai chứng cứ và hòa giải; xác minh thu thập chứng cứ; gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ đúng trình tự, đầy đủ theo quy định tại các điều 196, 170, 171, 172, 173, 175, 177, 178, 210, 211, 97, 220 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 237, 239, 243, 247, 248, 249, 258, 260 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan. Nguyên đơn, bị đơn trong quá trình tham gia giải quyết vụ án chấp hành đúng, đầy đủ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 BLTTDS và các VBQPPL có liên quan.

- Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T:

+ Về hôn nhân: chị T được ly hôn với anh T.

+ Về con chung: giao Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015 cho chị T nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc trưởng thành. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục: tại phiên toà, nguyên đơn, bị đơn vắng N1ng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: do chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã T Điền (G, B) vào ngày 20/12/2012 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong thời gian chung sống, do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp nên hai bên nảy sinh mâu thuẫn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và sống riêng từ khoảng năm 2013. Hai bên chính thức sống ly thân từ tháng 11/2022 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, cả hai vẫn không thể hoà giải, xoa dịu mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình tố tụng, chị T xác định hai bên bất đồng quan điểm, miễn cưỡng kéo dài cuộc hôn nhân cũng sẽ không hạnh phúc, giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu xét xử vắng mặt; anh T không đồng ý ly hôn N1ng không có giải pháp hòa giải. Qua đó xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng và niềm

tin dành cho nhau đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài và không còn khả năng hàn gắn. Do đó, xét yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015. Xét thấy, từ trước đến nay, hai con chung vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống đã ổn định; hai con cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Việc chia tách hai con, giao một trong hai con cho anh T nuôi dưỡng sẽ làm thay đổi môi trường sống, ít Nều sẽ tạo ra một sự xáo trộn về tâm lý con trẻ ngay khi cha mẹ vừa mới ly hôn. Do đó xét yêu cầu trực tiếp nuôi hai con của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận chị T tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị T phải nộp số tiền là 300.000 đồng theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Thùy T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2/- Con chung: Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015.

Giao Nguyễn Thiên Kiều N sinh ngày 26/8/2013 và Nguyễn Thiên Kiều N1 sinh ngày 16/01/2015 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con

của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3/- Tài sản chung, nợ chung: cả hai khai không có nên không xem xét.

4/- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: buộc chị Phan Thị Thùy T phải nộp số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011149 ngày 28/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G. Do đó, án phí sơ thẩm, chị T đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Ngọc Duyên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh B
- VKSND huyện;
- Chi cục THA huyện;
- UBND xã T Điền,
(G, B);
- Các đương sự;
- Lưu.